

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở
2. Ông Nguyễn Đình Cương
3. Bà Lê Thị Bích Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 583/2020/HSST ngày 09/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5490/2020/QĐST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N; giới tính: Nam; sinh năm: 1993; tại: tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Ấp 2, xã Phú Lập, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: số 254/12 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

- Tiền án: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 292/2016/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù và bản án ngày 23/3/2018.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/12/2019 tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Nguyễn Thị Kim D; giới tính: Nữ; sinh năm: 1995; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số 62/20/60 Huỳnh Khương An, Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 5/65 Khu phố 1, đường TL12, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông

Nguyễn Phi H (chết) và bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1962; chung sống như vợ chồng với Lâm Hoài A; con: Có 02 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 17/12/2019 tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

+ Người bào chữa:

1/ Ông Đỗ Ngọc O là Luật sư của Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc O thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Văn N (Có mặt).

2/ Bà Cao Thị Kiều T là Luật sư của Văn phòng luật sư Kiều T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim D (Có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm 1964; thường trú: Ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: 153/48/5 Lê Văn Thọ, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2/ Ông Trương Công T, sinh năm 1986; thường trú: Ấp 4, xã Tân Thanh, huyện C, Tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: 219A Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

+ Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; cư trú: Thôn Thăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, Hà Nội (Vắng mặt).

2/ Ông Phạm Việt Quốc K, sinh năm 1963; cư trú: 736/39 Lê Đức Thọ, Phường 15, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14h15' ngày 17/12/2019, tại trước nhà số 615 Thống Nhất, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về Ma túy Công an quận Gò Vấp phối hợp với Công an Phường 16, quận Gò Vấp phát hiện bắt quả tang Lê Văn N điều khiển xe gắn máy biển số 72E1-261.62 đang chở theo Nguyễn Thị Kim D có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán. Khi cơ quan Công an dừng xe kiểm tra, do sợ bị phát hiện nên Lê Văn N thắng gấp xe dẫn đến cả hai bị té xe và Lê Văn N làm rách 01 gói nylon chứa tinh thể không màu từ bên trong túi quần bên phải của Lê Văn N đang mặc xuống đất nên Công an đã tiến hành thu giữ và niêm phong 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 17,9804gam, loại Methamphetamine). Tiếp tục kiểm tra trong túi quần của Lê Văn N, thu giữ thêm 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định

là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 20,3713gam, loại Methamphetamine). Do đó, cơ quan Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Văn N cùng Nguyễn Thị Kim D và thu giữ toàn bộ số ma túy nêu trên. Ngoài ra, còn thu giữ của Lê Văn N 02 điện thoại di động, 01 xe gắn máy biển số 72E1 - 261.62 và 26.000.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Thị Kim D 01 điện thoại di động.

Lúc 18h00' ngày 17/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn N tại nhà số 153/48/5 Lê Văn Thọ, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua kiểm tra, thu giữ: 01 cây dao tự chế bằng kim loại. Đến 19h00' cùng ngày 17/12/2019, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn N tại nhà thuê số 254/12 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện thu giữ gồm:

- Trên bàn gỗ trong phòng:

01 hộp giấy có in chữ Samsung Galaxy Note 3 chứa: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1368gam, loại Methamphetamine); 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 20,0161gam, loại Methamphetamine); 03 nỏ thủy tinh; 02 cây kéo bằng kim loại; 01 bình gas; 01 bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa; 01 gói giấy quần 02 nỏ thủy tinh;

- Phía sau gương tại phòng có 04 nỏ thủy tinh.

- Trên bàn trang điểm có 01 hộp nhựa màu hồng có 03 ngăn từ trên xuống lần lượt:

+ Tại ngăn thứ 1 có: 03 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 63,6513g, loại Methamphetamine); 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5211g, loại Ketamine); 01 gói nylon chứa 03 viên nén hình tròn màu xám, có khắc ký hiệu ngôi sao (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,2493g, loại MDMA); 01 cân tiểu ly màu đen.

+ Tại ngăn thứ 2 có: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2944g, loại Methamphetamine).

+ Tại ngăn thứ 3 có: 50 gói nylon các loại bên trong không chứa gì.

- Tại tủ quần áo từ ngoài nhìn vào tại cửa tủ bên phải, từ dưới lên trong ngăn tủ thứ 2 có 01 hộp đựng mắt kính hiệu Ray-Ban bên trong chứa:

+ 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 11,7619g, loại Ketamine).

+ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,6039g, loại Ketamine).

+ 01 gói nylon chứa 23 viên nén hình tròn màu xám, có khắc ký hiệu ngôi sao (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,1758g, loại MDMA).

+ 01 gói nylon chứa 50 viên nén hình giọt nước màu xanh nhạt, có khắc ký hiệu hình ống nghe điện thoại (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 18,0139g, loại Ketamine).

+ 01 gói nylon chứa 100 viên nén hình tam giác màu hồng (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 36,8735g, loại Methamphetamine, MDMA).

+ 01 gói nylon bên ngoài quấn băng keo màu trắng chứa 94 viên nén hình tròn màu hồng (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,4505g, loại Methamphetamine).

+ 01 gói nylon chứa nhiều mảnh vỡ viên nén màu hồng (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,9210g, loại Ketamine).

+ 01 gói nylon chứa 41 viên nén các loại nhiều màu và các mảnh vỡ viên nén gồm: 27 viên nén và mảnh vụn của viên nén màu đen (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 11,9772g, loại MDMA); 03 viên nén hình giọt nước màu xanh nhạt (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1098g, loại MDMA); 02 viên nén và mảnh vụn viên nén hình giọt nước màu cam (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,8937g, loại Ketamine); 03 viên nén màu đỏ và mảnh vụn (kết quả giám định có khối lượng 1,9308g, không tìm thấy ma túy); 05 viên nén hình tròn màu xanh lá (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,8918g, loại MDMA); 01 viên nén hình giọt nước màu xanh dương (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3303g, loại MDMA).

Toàn bộ số vật chứng thu giữ đã được giám định, kết quả thể hiện tại bản kết luận giám định số 26/KLGD-H ngày 23/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp, Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D khai nhận có mua ma túy của một đối tượng tên Ty Trắng tại khu vực hẻm thuộc đường Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiến hành cho Nguyễn Thị Kim D xác định địa điểm chỗ ở của Ty Trắng. Qua xác minh, có đối tượng Ty Trắng tên thật là Từ Vũ B.

Lúc 15h00' giờ ngày 18/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Từ Vũ B tại phòng trọ số 4, nhà số 1005/14 Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua kiểm tra phát hiện Từ Vũ B và Lâm Thúy L đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, kiểm tra thu giữ và niêm phong các gói, gồm: Gói 1: gồm 05 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu; 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng; 02 gói nylon chứa tinh thể

màu nâu nhạt; 03 mảnh vỡ viên nén màu hồng. Gói 2: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng. Gói 3: gồm 07 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu.

Ngoài ra, còn thu giữ 01 cân điện tử; 01 bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa; 01 hộp kim loại màu vàng in chữ Kids Band; 02 điện thoại di động hiệu Iphone; số tiền 44.000.000 đồng; 01 khẩu súng màu đen và hộp tiếp đạn chứa bình khí nén; 03 viên bi kim loại hình cầu.

Quá trình điều tra xác định: Lê Văn N khai nhận bắt đầu hoạt động mua bán ma túy từ tháng 9/2019. Nguồn ma túy, Lê Văn N mua từ người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực bến xe An Suong, Quận 12, mỗi lần mua từ 3.000.000 - 7.000.000 đồng (khoảng từ 10g – 15g) ma túy đá để tự phân nhỏ ra bán cho người nghiện thu lời, với giá từ 300.000 - 1.000.000 đồng (khoảng 0,3g – 1,2g) ma túy đá. Ngoài ra, khoảng tháng 10/2019, N Lê Văn N còn mua ma túy từ người đàn ông (không rõ lai lịch) tại phường An Phú Đông, Quận 12, gồm 100g ma túy đá kém chất lượng và khoảng 300 viên thuốc lắc với giá tiền 16.000.000 đồng. Khi mua được ma túy, Lê Văn N tự phân nhỏ ra bán cho nhiều người nghiện thu lời. Từ tháng 08/2019, Lê Văn N thuê nhà số 254/12 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và cất giấu ma túy để bán thì Nguyễn Thị Kim D có đến ở chung và phụ giúp Lê Văn N mua bán ma túy. Qua bạn bè, Lê Văn N biết người tên Ty Trắng có mua bán ma túy nhưng chưa gặp mặt và chỉ xin được số điện thoại để liên lạc (0932.180.828).

Vào ngày 16/12/2019 thì có người tên Công (không rõ lai lịch) liên hệ Lê Văn N mua khoảng 100g ma túy đá, Lê Văn N hẹn sẽ báo giá sau. Sau đó, Lê Văn N liên lạc với Ty Trắng để hỏi mua khoảng 250g ma túy đá, Ty Trắng báo giá tiền là 55.000.000 đồng, Lê Văn N đồng ý mua. Sau đó, Lê Văn N chờ theo Nguyễn Thị Kim D đến khu vực phòng trọ của Ty Trắng tại nhà số 1005/14 Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy. Khi đến nơi, Lê Văn N trực tiếp đưa số tiền 55.000.000 đồng cho người xưng là Ty Trắng tại cầu thang khu vực phòng trọ, Nguyễn Thị Kim D đi theo sau Lê Văn N. Khi nhận tiền xong, Ty Trắng hẹn Lê Văn N sẽ đưa ma túy sau. Lúc này, Lê Văn N đi về trước và kêu Nguyễn Thị Kim D đứng chờ Ty Trắng đem ma túy về nhưng do đứng đợi lâu nên Nguyễn Thị Kim D cũng đi về nhà thuê của Lê Văn N. Khoảng trưa ngày 17/12/2019 thì một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho Lê Văn N kêu đến khu vực phòng trọ của Ty Trắng để lấy ma túy đá. Sau đó, Lê Văn N cùng Nguyễn Thị Kim D đến khu vực nhà Ty Trắng thì gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch, khác với người đàn ông xưng Ty Trắng đã nhận số tiền 55.000.000 đồng) đưa cho Lê Văn N 01 gói nylon chứa ma túy. Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D đem ma túy về nhà thuê. Lê Văn N liên lạc với Công báo giá 100g ma túy đá giá 35.000.000 đồng, Công kêu đem ma túy qua khu vực hẻm Phạm Văn Chiêu, quận Gò Vấp để thử trước sẽ mua, Lê Văn N đồng ý. Sau đó, Lê Văn N tự chia nhỏ ma túy mua được từ Ty Trắng thành 04 gói, 02 gói Lê Văn N để trong hộp giấy Galaxy Note 3 cất tại nhà thuê và Lê Văn N đem theo 02 gói ma túy bán cho Công. Lê Văn N chờ theo Lê Văn N đi bán ma túy cho Công nhưng do hàng kém chất lượng nên

Công không mua nên Lê Văn N mang ma túy đi về. Trên đường về thì Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ như nêu trên.

Toàn bộ số ma túy thu giữ khi bắt quả tang và khám xét tại nhà thuê là do Lê Văn N tự phân chia và cất nhiều nơi tại nhà thuê để bán cho khách. Lê Văn N trực tiếp giao dịch, thỏa thuận giá cả, khối lượng ma túy bán cho khách. Còn Nguyễn Thị Kim D phụ giúp Lê Văn N mua bán ma túy, cụ thể: 02 lần Lê Văn N đưa ma túy cho Nguyễn Thị Kim D đưa cho khách tại nhà thuê số 254/12 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp; 01 lần Lê Văn N nhờ Nguyễn Thị Kim D đi lấy tiền bán ma túy là 4.000.000 đồng từ người mua ma túy tên Công (không rõ lai lịch); 02 lần Lê Văn N nhờ Nguyễn Thị Kim D đi bán ma túy cho người tên Công (không rõ lai lịch) và lần thứ 03 mang bán ma túy cho Công thì bị bắt như trên. Lê Văn N trực tiếp một mình tự phân chia ma túy và cất giấu tại nhà thuê. Nguyễn Thị Kim D chỉ phụ giúp Lê Văn N quan sát khi Lê Văn N bán ma túy và không biết khối lượng ma túy Lê Văn N bán cho khách là bao nhiêu.

Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp đã tiến hành việc đối chất, nhận dạng giữa Lê Văn N và Từ Vũ B thì Lê Văn N không thừa nhận Ty Trắng là Từ Vũ B. Lê Văn N không đưa số tiền 55.000.000 đồng cho Từ Vũ B để mua ma túy vào ngày 16/12/2019 và nhận 01 gói ma túy vào ngày 17/12/2019 như trên. Lê Văn N không quen biết người tên Từ Vũ B.

Nguyễn Thị Kim D khai nhận: bản thân có sử dụng ma túy từ nguồn ma túy của Lê Văn N. Lời khai của Nguyễn Thị Kim D phù hợp với lời khai của Lê Văn N về quá trình phụ giúp Lê Văn N mua bán ma túy như trên. Nguyễn Thị Kim D không được Lê Văn N trả tiền công phụ giúp mua bán ma túy nhưng Lê Văn N cho Nguyễn Thị Kim D tiền sinh hoạt và tiền nuôi con. Ngoài ra, lời khai của Nguyễn Thị Kim D phù hợp với lời khai của Lê Văn N về diễn biến sự việc vào các ngày 16 và 17/12/2019 khi Lê Văn N liên hệ mua ma túy từ người tên Ty Trắng. Khi đi cùng Lê Văn N có nói qua gặp người tên Ty Trắng và thấy Lê Văn N đưa tiền cho Ty Trắng tại cầu thang khu vực phòng trọ. Số tiền cụ thể thì Nguyễn Thị Kim D không biết bao nhiêu tiền, chỉ đến khi Lê Văn N kêu Nguyễn Thị Kim D chờ lấy ma túy từ Ty Trắng đem về thì Nguyễn Thị Kim D mới biết là Lê Văn N đi mua ma túy từ Ty Trắng.

Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp đã tiến hành cho Nguyễn Thị Kim D xác nhận địa điểm chỗ ở của Ty Trắng thì xác định căn nhà số 1005/14 Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi Ty Trắng ở. Nguyễn Thị Kim D không biết lai lịch cụ thể của Ty Trắng nhưng khi Công an tiến hành cho Nguyễn Thị Kim D nhận dạng thì xác định Ty Trắng là Từ Vũ B.

Từ Vũ B khai nhận: Từ Vũ B và Lâm Thúy L sống chung với nhau như vợ chồng và cùng sử dụng ma túy. Khoảng 03h00' ngày 18/12/2019, khi Từ Vũ B đang chơi game tại tiệm bán cá thuộc đường Bạch Đằng, quận Tân Bình thì liên hệ mua được 01 hộp 5g ma túy đá (khoảng 5g) với giá 2.200.000 đồng từ một người tên Phong (không rõ lai lịch) và cất giấu trong túi quần để sử dụng chung

với Lâm Thúy L tại phòng trọ số 4, nhà số 1005/14 Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ Vũ B lấy một ít ma túy để sử dụng với Lâm Thúy L, số ma túy đá còn lại, Từ Vũ B để trên bàn rồi đi ngủ trước. Sau đó, Lâm Thúy L lấy gói ma túy đá Từ Vũ B vừa để trên bàn tự phân chia thành 07 gói ma túy nhỏ và cất giấu vào hộp kim loại màu vàng có in chữ Kids Band để trên bàn. Đến khoảng 15h00' cùng ngày, Công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Từ Vũ B và Lâm Thúy L, phát hiện 07 gói ma túy đá nên tiến hành lập biên bản thu giữ. Ngoài ra, Công an còn thu giữ thêm của Từ Vũ B tổng cộng 09 gói ma túy đá loại đá 30 (hàng kém chất lượng) và 03 mảnh vỡ viên nén màu hồng là thuốc lắc, cùng những vật chứng khác như đã nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đã tiến hành việc đối chất giữa Từ Vũ B và Lê Văn N thì Từ Vũ B không thừa nhận việc đã nhận của Lê Văn N số tiền 55.000.000 đồng và bán ma túy cho Lê Văn N Nguyễn Thị Kim D vào ngày 16/12/2019 và ngày 17/12/2019. Từ Vũ B không biết và không tham gia vào việc mua bán ma túy cùng với Lê Văn N, Nguyễn Thị Kim D.

Lời khai của Lâm Thúy L phù hợp với lời khai của Từ Vũ B về việc tự phân chia ma túy và bị Công an quận Gò Vấp thu giữ như trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đã tiến hành việc đối chất giữa Lâm Thúy L và Nguyễn Thị Kim D thì Lâm Thúy L thừa nhận ngày 16/12/2019 chỉ thấy Nguyễn Thị Kim D có đến phòng thuê số 4, nhà số 1005/14 Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi Nguyễn Thị Kim D đến thì Từ Vũ B đang ở tại phòng thuê và sau đó Từ Vũ B đi đâu thì Lâm Thúy L không biết. Lâm Thúy L không biết Nguyễn Thị Kim D đến phòng thuê để làm gì và không tham gia vào việc mua bán ma túy cùng với Lê Văn N, Nguyễn Thị Kim D.

Đối với Từ Vũ B và Lâm Thúy L: Hiện tại chưa đủ chứng cứ, tài liệu xác định liên quan đến hoạt động mua bán trái phép chất ma túy cùng với Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D trong vụ án này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Từ Vũ B và Lâm Thúy L, về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” trong một vụ án khác. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục thu thập chứng cứ, tài liệu nếu đủ cơ sở chứng minh sẽ khởi tố sau đối với Từ Vũ B và Lâm Thúy L.

Vật chứng thu giữ: Đã được liệt kê tại phiếu nhập kho vật chứng số 113/PNK/2020 ngày 10/3/2020 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng VietinBank ngày 04/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, gồm có:

1. Thu của Lê Văn N:

- 07 gói niêm phong số 26/2020 (gói 1,2,3,4,5,6,7) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Điềm và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là mẫu còn lại sau giám định.

- 02 điện thoại di động hiệu Iphone (kèm sim) bị can Lê Văn N khai nhận dùng để liên lạc cá nhân và mua bán ma túy.

- 01 hộp giấy samsung galaxy Note 3; 02 cây kéo bằng kim loại; 01 bình gas; 01 cân tiểu ly; 01 hộp hiệu Ray Ban; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 hộp nhựa màu hồng; 01 cây dao bằng kim loại; 6 quả thủy tinh; nhiều túi nylon bên trong không chứa gì.

- 01 xe máy biển số 72E1-261.62, hiệu Exciter, SK: RLCE55P10EY404368, SM: 55P1-404377: Kết quả giám định số khung, số máy xe tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh được biết xe có số khung, số máy không thay đổi. Xác minh nguồn gốc xe do ông Đỗ Văn B đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Hiện tại, ông Đỗ Văn B không còn cư trú tại địa phương nên không ghi được lời khai. Lê Văn N khai nhận: Vào sáng ngày 17/12/2019, Lê Văn N mượn xe gắn máy nêu trên của người bạn tên Trương Công T để đi nhưng không nói mục đích sử dụng xe để đi đâu, làm gì. Ông Trương Công T khai: Vào khoảng tháng 04/2019, ông Trương Công T mua xe gắn máy biển số 72E1 – 261.62 tại cửa hàng xe gắn máy thuộc tỉnh Đồng Nai và đã trả đủ tiền mua xe. Ông Trương Công T chỉ biết chủ xe gắn máy tên Đỗ Văn B và chưa gặp mặt để làm thủ tục sang tên. Ông Trương Công T dùng xe để làm phương tiện đi lại, sau đó Lê Văn N hỏi mượn xe đi. Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu xe trên.

- Số tiền Việt Nam 26.000.000 đồng (đã nộp vào Kho bạc Nhà nước). Lê Văn N khai nhận nguồn gốc, gồm: 3.000.000 đồng là tiền mua bán ma túy của Lê Văn N, số tiền 23.000.000 đồng còn lại là tiền của mẹ ruột tên Nguyễn Thị Huyền N cho mượn để mua xe gắn máy vào ngày 15/12/2019 nhưng không làm giấy tờ về việc mượn tiền. Sau đó, Lê Văn N bỏ chung tiền với nhau và bị bắt thu giữ như nêu trên. Lời khai của bà Nguyễn Thị Huyền N phù hợp với lời khai của Lê Văn N.

2. Thu của Nguyễn Thị Kim D: 01 điện thoại di động hiệu Nokia (kèm sim), Nguyễn Thị Kim D khai nhận dùng để liên lạc cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 251/CTr-VKS-P1 ngày 05/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và vai trò tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm, các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với riêng bị cáo Lê Văn N); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án 20 năm tù; phạt bổ sung 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D mức án từ 16 đến 18 năm tù; phạt bổ sung 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Bào chữa cho các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D, Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích về các tình tiết giảm nhẹ để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt đối với từng bị cáo, cụ thể:

- Luật sư Cao Ngọc O bào chữa cho bị cáo Lê Văn N đề nghị xem xét: Trong vụ án, bị cáo Lê Văn N phạm tội nhiều lần mua ma túy để bán nhưng vật chứng là ma túy đã được Cơ quan điều tra thu giữ phần lớn, chưa phát tán ra xã hội nên hậu quả phần nào đã được ngăn chặn và thu lợi không đáng kể. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn thể hiện sự ăn năn, hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cha mất sớm và bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; để đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án khoan hồng, dưới mức Viện kiểm sát đề nghị và xử lý vật chứng, trả lại cho bị cáo số tiền 23.000.000 đồng là tài sản không liên quan đến tội phạm.

- Luật sư Cao Thị Kiều T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim D đề nghị: Bị cáo Nguyễn Thị Kim D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu đồng phạm giúp sức cho bị cáo Lê Văn N với vai trò hạn chế, chỉ hai lần nhận ma túy từ bị cáo Lê Văn N để giao cho khách đến nhà mua nhưng không biết rõ khối lượng ma túy, giá tiền mua bán và 01 lần giúp đi lấy tiền bán ma túy từ Công giúp Lê Văn N, đều do có quan hệ tình cảm và không hưởng lợi; gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, có 02 con còn nhỏ và bị cáo là lao động chính; bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm đối với Từ Vũ B và Nguyễn Thị Kim D. Do đó, cho bị cáo Nguyễn Thị Kim D hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để xử phạt bị cáo mức án khoan hồng tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp giữ nguyên quan điểm truy tố và không chấp nhận ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo về hình phạt vì không có căn cứ pháp luật. Đối với các các tình tiết giảm nhẹ Luật sư bào chữa cho các bị cáo nêu ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật và ghi nhận trong phần nhận định của bản án.

Các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D thống nhất với ý kiến của Luật sư bào chữa cho mình nên không tranh luận bổ sung, chỉ nói lời sau cùng xin được hưởng mức án khoan hồng để có cơ hội sớm chấp hành xong bản án và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D đã khai nhận toàn bộ hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của mình và đồng phạm, nội dung phù hợp với bản cáo của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố.

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với: các biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Vật chứng là ma túy thu giữ của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định kết quả thể hiện tại bản kết luận giám định số 26/KLGD-H ngày 23/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục: 69 - 71).

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Do cùng nghiện ma túy và có quan hệ tình cảm nên từ tháng 8/2019, các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D đã thuê nhà số 254/12 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để chung sống, cùng sử dụng ma túy và làm nơi cất giấu ma túy để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy kiếm lời.

Nguồn ma túy, từ tháng 09/2019, Lê Văn Nn mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực bến xe An Sương, Quận 12, mỗi lần mua từ 3.000.000 đồng - 7.000.000 đồng (khoảng từ 10g - 15g ma túy đá) mang về nhà phân nhỏ ra để bán lại cho người nghiện với giá từ 300.000 đồng - 1.000.000 đồng (khoảng từ 0,3g - 1,2g ma túy đá). Đến khoảng tháng 10/2019, Lê Văn N tiếp tục mua của người này, gồm khoảng 100g ma túy đá và khoảng 300 viên thuốc lắc với giá tiền 16.000.000 đồng để bán lại.

Đến ngày 16/12/2019, có một người tên Công (không rõ lai lịch) liên hệ với Lê Văn N hỏi mua 100g ma túy đá, Lê Văn N hẹn sẽ báo giá sau. Sau đó, Lê Văn N liên lạc với Ty Trắng (là người qua bạn bè Lê Văn N biết có bán ma túy nhưng chưa gặp mặt và chỉ xin được số điện thoại 0932.180.828) hỏi mua 250g ma túy đá của Ty Trắng với giá 55.000.000 đồng. Sau đó, Lê Văn N chở Nguyễn Thị Kim D đi cùng đến khu vực phòng trọ của Ty Trắng tại nhà số 1005/14 Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để mua túy. Khi đến nơi, Lê Văn N trực tiếp đưa số tiền 55.000.000 đồng cho một người xưng tên là Ty Trắng tại cầu thang khu vực phòng trọ, còn Nguyễn Thị Kim D đi theo sau Lê Văn N; nhận tiền xong, người này hẹn Lê Văn N sẽ đưa ma túy sau. Lúc này, Lê Văn N đi về trước và kêu Nguyễn Thị Kim D đứng chờ Ty Trắng để nhận ma túy mang về nhưng do đứng đợi lâu nên Lê Văn N cũng đi

về nhà thuê của Lê Văn N. Đến trưa ngày 17/12/2019 thì có một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho Lê Văn N kêu đến khu vực phòng trọ của Ty Trắng nêu trên để lấy ma túy đá. Sau đó, Lê Văn N cùng Nguyễn Thị Kim D đến khu vực nhà của Ty Trắng thì gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch khác) đưa cho Lê Văn N 01 gói nylon chứa ma túy, Lê Văn N cùng Nguyễn Thị Kim D mang gói ma túy vừa mua được về nhà thuê. Lê Văn N liên lạc lại với Công báo giá 100g ma túy đá là 35.000.000 đồng, Công kêu Lê Văn N mang ma túy qua khu vực hẻm Phạm Văn Chiêu, quận Gò Vấp để thử trước rồi sẽ mua, Lê Văn N đồng ý. Sau đó, Lê Văn N tự phân chia số ma túy mua được từ Ty Trắng thành 04 gói ma túy: 02 gói Lê Văn N để trong hộp giấy Galaxy Note 3 cất giấu tại nhà thuê và Lê Văn N mang theo 02 gói ma túy cùng Nguyễn Thị Kim D đi bán cho Công.

Vào lúc 14h15' ngày 17/12/2019, tại trước nhà số 615 Thống Nhất, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang Lê Văn N đang điều khiển xe gắn máy biển số 72E1 - 261.62 chở theo Nguyễn Thị Kim D có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy mang đi bán, thu giữ: 01 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có khối lượng 17,9804g, loại Methamphetamine (rớt từ bên trong túi quần bên phải Lê Văn N đang mặc xuống đất do điều khiển xe thắng gấp) và 01 gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có khối lượng 20,3713g, loại Methamphetamine (trong túi quần của Lê Văn N đang mặc).

Đến lúc 19h00' ngày 17/12/2019, qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn N tại nhà thuê số 254/12 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an phát hiện, thu giữ toàn bộ số ma túy ở thể rắn của Lê Văn N cất giấu để bán. Cụ thể gồm:

- Trên bàn gỗ trong phòng: 01 hộp giấy có in chữ Samsung Galaxy Note 3 chứa: 01 gói nylon chứa ma túy có khối lượng 1,1368g, loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa ma túy có khối lượng 20,0161g, loại Methamphetamine;

- Trên bàn trang điểm có 01 hộp nhựa màu hồng có 03 ngăn từ trên xuống lần lượt:

- + Tại ngăn thứ 1 có: 03 gói nylon chứa ma túy có khối lượng 63,6513g, loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa ma túy có khối lượng 0,5211g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa 03 viên nén hình tròn màu xám, có khắc ký hiệu ngôi sao là ma túy có khối lượng 1,2493g, loại MDMA;

- + Tại ngăn thứ 2 có: 01 gói nylon chứa ma túy có khối lượng 0,2944g, loại Methamphetamine.

- Tại tủ quần áo từ ngoài nhìn vào tại cửa tủ bên phải, từ dưới lên trong ngăn tủ thứ 2 có 01 hộp đựng mắt kính hiệu Ray-Ban bên trong chứa: 01 gói nylon chứa ma túy có khối lượng 11,7619g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa ma túy có khối lượng 9,6039g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa 23 viên nén hình tròn màu xám, có khắc ký hiệu ngôi sao là ma túy có khối lượng 9,1758g,

loại MDMA; 01 gói nylon chứa 50 viên nén hình giọt nước màu xanh nhạt, có khắc ký hiệu hình ống nghe điện thoại là ma túy có khối lượng 18,0139g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa 100 viên nén hình tam giác màu hồng là ma túy có khối lượng 36,8735g, loại Methamphetamine, MDMA; 01 gói nylon bên ngoài quấn băng keo màu trắng chứa 94 viên nén hình tròn màu hồng là ma túy có khối lượng 9,4505g, loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa nhiều mảnh vỡ viên nén màu hồng là ma túy có khối lượng 4,9210g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa 41 viên nén các loại nhiều màu và các mảnh vỡ viên nén (gồm: 27 viên nén và mảnh vụn của viên nén màu đen là ma túy có khối lượng 11,9772g, loại MDMA; 03 viên nén hình giọt nước màu xanh nhạt là ma túy có khối lượng 1,1098g, loại MDMA; 02 viên nén và mảnh vụn viên nén hình giọt nước màu cam là ma túy có khối lượng 0,8937g, loại Ketamine; 05 viên nén hình tròn màu xanh lá là ma túy có khối lượng 1,8918g, loại MDMA; 01 viên nén hình giọt nước màu xanh dương là ma túy có khối lượng 0,3303g, loại MDMA; và 03 viên nén màu đỏ và mảnh vụn có khối lượng 1,9308g, không tìm thấy chất ma túy).

Ngoài ra, Công an còn thu giữ các công cụ, dụng cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy, gồm: 03 nỏ thủy tinh; 02 cây kéo bằng kim loại; 01 bình gas; 01 bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa; 01 cân tiểu ly màu đen; 50 bịch nylon.

Tính đến ngày bị bắt quả tang, toàn bộ hoạt động mua bán trái phép chất ma túy do bị cáo Lê Văn N trực tiếp giao dịch, tự phân chia và cất giấu ma túy tại nhà thuê, cũng như thỏa thuận giá cả để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim D đồng phạm với vai trò giúp sức cho Lê Văn N trong việc mua bán trái phép chất ma túy để được Lê Văn N phụ giúp cho tiền nuôi con và sử dụng ma túy chung, cụ thể: đã 02 lần Lê Văn N giao ma túy cho Nguyễn Thị Kim D đưa cho khách đến mua ma túy tại nhà thuê số 254/12 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 lần giúp Lê Văn N đi lấy tiền bán ma túy là 4.000.000 đồng từ người mua ma túy tên Công (không rõ lai lịch); 02 lần đi cùng Lê Văn N chở đi bán ma túy cho Công; đi cùng Lê Văn N mua ma túy của Ty Trắng và đi bán ma túy cho Công thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng như nêu trên vào ngày 17/12/2019.

Như vậy, các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về khối lượng các chất ma túy ở thể rắn đã mua bán trái phép bị thu giữ khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp tại nơi ở, tổng cộng là: 132,9008 gam, loại Methamphetamine; 46,8253 gam, loại Ketamine; 24,6244 gam, loại MDMA; 36,8735 gam, loại Methamphetamine, MDMA.

Xét, với khối lượng các chất ma túy ở thể rắn dùng để mua bán tính tổng khối lượng theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D, đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; tội

phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) - thuộc trường hợp “có 02 chất ma túy trở lên mà khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác; gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ tư lợi, cũng như nhằm thỏa mãn nhu cầu bất chính của bản thân vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội.

Xét về nhân thân, bị cáo Lê Văn N đã có 01 tiền án về tội do cố ý chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm”; trong thời gian phạm tội, các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy (trong đó, mỗi lần đều có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý) nên thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên”; đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tương ứng đối với từng bị cáo theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong vụ án, các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Kim D phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự bàn bạc, phân công nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo Lê Văn N giữ vai trò chính, là người chủ mưu trực tiếp bỏ vốn để liên hệ mua ma túy về phân chia, tính toán và giao dịch để bán lại cho người khác kiếm lời; còn bị cáo Nguyễn Thị Kim D là người giúp sức với vai trò hạn chế hơn, nhận ma túy do Lê Văn N phân chia sẵn để đưa lại cho khách đến nhà mua hoặc đi cùng khi Lê Văn N mua bán ma túy để quan sát. Khi quyết định hình phạt sẽ xem xét đến tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần phải có thời gian đủ dài cách ly xã hội đối mới có tác dụng để răn đe giáo dục từng bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, cũng phần nào thể hiện sự ăn năn hối cải; riêng bị cáo Nguyễn Thị Kim D gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, là lao động chính nuôi dưỡng có 02 con còn nhỏ và giai đoạn điều tra, bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm đối với Từ Vũ B và Nguyễn Thị Kim D; để giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu tương ứng theo quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét tính chất, mức độ mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo: Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim D phạm tội lần đầu đồng phạm với vai trò là người giúp sức do có quan hệ tình cảm với bị cáo Lê Văn N; nên khi quyết định hình phạt áp dụng theo quy định tại Điều 58 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng tại khung hình phạt liền kề đã có tác dụng dè dặt, giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

+ Về hình phạt bổ sung: các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); để buộc mỗi bị cáo nộp phạt một số tiền nhất định sung quỹ Nhà nước.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai. Mức hình phạt đề nghị xử phạt đối với từng bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim D, tại phiên tòa có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên có cân nhắc để xem xét giảm thêm cho bị cáo một phần hình phạt như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho các bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ phù hợp quy định của pháp luật như nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận. Tuy nhiên, ý kiến của các Luật sư về mức hình phạt, cụ thể: đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn N dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng là không có căn cứ pháp luật, cũng như đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D mức hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là chưa tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo; như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để được chấp nhận.

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên) và Luật sư; đã thực hiện các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận tự nguyện khai báo và không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng nên đều hợp pháp.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét: Vật chứng là ma túy còn lại sau giám định là chất độc hại cấm tuyệt đối sử dụng; các đồ vật là công cụ phạm tội, dụng cụ dùng để phân chia, sử dụng ma túy và không có giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ. Đối với tài sản là phương tiện liên lạc và số tiền thu giữ của bị cáo trong vụ án, qua điều tra xác định là phương tiện dùng phạm tội thì tịch thu sung quỹ Nhà nước. Riêng đối

với tài sản và tiền thu giữ của các bị cáo, qua điều tra không chứng minh liên quan tội phạm nên trả lại cho bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp. Cụ thể như sau :

1. Tịch thu tiêu hủy:

- 07 gói niêm phong số 26/2020 (gói 1,2,3,4,5,6,7) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Điềm và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là mẫu còn lại sau giám định.

- 01 hộp giấy Samsung galaxy Note 3; 02 cây kéo bằng kim loại; 01 bình gas; 01 cân tiểu ly; 01 hộp hiệu Ray Ban; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 hộp nhựa màu hồng; 01 cây dao bằng kim loại; 6 quả thủy tinh; nhiều túi nylon bên trong không chứa gì.

2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 02 điện thoại di động hiệu Iphone (kèm sim), là phương tiện bị cáo Lê Văn N sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

- Số tiền 3.000.000 đồng trong số 26.000.000 đồng (đã thu giữ của bị cáo Lê Văn N), là tiền mua bán ma túy do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Kim D 01 điện thoại di động hiệu Nokia (kèm sim) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về tài sản.

Riêng đối với số tiền 23.000.000 đồng còn lại trong số 26.000.000 đồng (đã thu giữ của bị cáo Lê Văn N), qua điều tra là tiền của bà Nguyễn Thị Huyền N là mẹ ruột của Lê Văn N cho Lê Văn N mượn để mua xe gắn máy vào ngày 15/12/2019 nhưng không làm giấy tờ, không chứng minh liên quan tội phạm nên trả lại cho bà Nguyễn Thị Huyền N.

- 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu Yamaha; số loại Exiter; biển số 72E1-261.62; dung tích xi lanh: không rõ; SK: RLCE55P10EY404368, SM: 55P1-404377 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra): Qua điều tra là xe có nguồn gốc hợp pháp do ông Đỗ Văn B đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào khoảng tháng 04/2019, ông Trương Công T mua lại xe gắn máy nêu trên tại Cửa hàng xe gắn máy thuộc tỉnh Đồng Nai và đã trả đủ tiền mua xe, ông Trương Công T chỉ biết chủ xe gắn máy tên Đỗ Văn B nhưng chưa gặp mặt để làm thủ tục sang tên.

Xét, mặc dù ông Trương Công T mua xe gắn máy nêu trên chưa làm thủ tục sang tên đăng ký theo quy định nhưng quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu và đến nay không có ai tranh chấp về quyền sở hữu chiếc xe với ông Trương Công T. Ngày 17/12/2019, ông Trương Công T cho Lê Văn N mượn xe gắn máy sử dụng, không biết mục đích Lê Văn N dùng làm phương tiện đi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, trả lại xe gắn máy nêu trên cho ông Trương Công T.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với các đối tượng là người tên Công đã nhiều lần mua ma túy của Lê Văn N, 02 người đàn ông và người tên Ty Trắng đã bán ma túy cho Lê Văn N. Do quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lê Văn N khai không rõ nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để điều tra xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 20 (Hai mươi) năm tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/12/2019.

- Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn N 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim D 15 (Mười lăm) năm tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/12/2019.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Kim D 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 07 gói niêm phong số 26/2020 (gói 1,2,3,4,5,6,7) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thanh Diễm và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là mẫu còn lại sau giám định.

+ 01 hộp giấy Samsung galaxy Note 3 (nắp hộp); 02 cây kéo bằng kim loại; 01 bình gas; 01 cân tiểu ly; 01 hộp hiệu Ray Ban; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 hộp nhựa màu hồng; 01 cây dao bằng kim loại; 16 nỏ thủy tinh; nhiều túi nylon bên trong không chứa gì (đã thu giữ của bị cáo Lê Văn N).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone (kèm sim, không kiểm tra imei do không có nguồn điện, model A1784); 01 điện thoại di động hiệu Iphone (kèm sim, không kiểm tra imei do không có nguồn điện, số imei khay sim: 15616); số tiền 3.000.000 đồng trong số 26.000.000 đồng (đã thu giữ của bị cáo Lê Văn N).

- Trả lại những tài sản sau đây cho bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp, cụ thể:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Kim D 01 điện thoại di động hiệu Nokia (kèm sim) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về tài sản.

+ Bà Nguyễn Thị Huyền N số tiền 23.000.000 đồng còn lại trong số tiền 26.000.000 đồng (đã thu giữ của bị cáo Lê Văn N).

+ Ông Trương Công T 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu Yamaha; số loại Exiter; biển số 72E1-261.62; dung tích xi lanh: không rõ; SK: RLCE55P10EY404368, SM: 55P1-404377 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra)

(Vật chứng: theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2020/437 ngày 08/9/2020 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng VietinBank ngày 04/02/2020 của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|------|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Cục THADS TP.HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - Trại tạm giam; | (2) |
| - Người bào chữa; | (2) |
| - Đương sự; | (0) |
| - THAHS TP.HCM; | (2) |
| - Phòng PC53 - CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ; | (27) |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Anh

